TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5- 2018
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Mỹ Dung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phạm Thạch Út**
2/ Ông **Mai Hòa Phúc**

-Thư ký phiên toà: **Bà Lê Yến Phương** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: **ông Nguyễn Văn Tú-** Kiểm sát viên

Ngày **29** tháng **5** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLST- HNGĐ ngày 7 tháng 2 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H ,** sinh năm**:** 1977**(Có mặt)**
Nơi cư trú: Tổ 2, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh A.

2.*Bị đơn*: Anh **Trần Tấn Đ,** sinh năm: 1973 **(vắng mặt)**
Nơi cư trú: Tổ 11, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 22/1/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Tấn Đ kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A. Sau khi kết hôn chị và anh Đ sống bên nhà chồng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn là do anh Đ không chí thú làm ăn, chỉ ăn chơi, không chăm lo gia đình vợ con. Từ năm 2007 chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân nhau

được khoảng hơn năm năm, chị cũng tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không sửa đổi, chị không còn khả năng chịu đựng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Tấn Đ

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Tấn Đ có 01 con chung tên Trần Tấn N, sinh năm 2006. Hiện cháu đang sống với chị H. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu N, tại đơn khởi kiện ly hôn chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Trần Tấn Đ vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị H. Tòa án cũng tiến hành xác minh lấy lời khai của anh Đ nhưng anh Đ không đồng ý cho Tòa án lấy lời khai, không đồng ý cung cấp lời khai cho tòa án nên Tòa án không lấy lời khai lại được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. **Về tố tụng**: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án**: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Đề nghị giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Trần Tấn Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Tấn Đ theo quy định pháp luật.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Tấn Đ kết hôn vào năm 2006, hôn nhân do mai mối, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị H trình bày sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ không lo làm ăn, không còn quan tâm vợ con. Chị và anh Đ cũng có thời gian ly thân, sau đó chị cũng tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không sửa đổi. Xét thấy với thời gian chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Khi chị H nộp đơn xin ly hôn, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy mời nhưng anh Đ cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị H. Hiện tại chị H xác định không còn tình cảm với anh Đt, tại tòa chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị H và anh Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Tấn Đ có 01 con chung Trần Tấn N, sinh năm 2006. Hiện cháu đang sống với chị H. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con .Xét thấy cháu N từ nhỏ đến nay đều sống chung với chị H, cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Ngoài ra tại biên bản lấy lời khai cháu N đề ngày 4/4/2018 thì Cháu Ngoan cũng có nguyện vọng muốn ở với chị H. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu, nghĩ nên để chị H được tiếp tục nuôi cháu N là phù hợp. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con theo như yêu cầu của chị H là hoàn toàn phù hợp.

[2.3] **Về tài sản và nợ chung**: Chị Nguyễn Thị H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] **Về án phí:** Do yêu cầu của Chị Nguyễn Thị H được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật và anh Trần Tấn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Tấn Đ

2**. Về nuôi con chung**: Chị Nguễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Tấn N, sinh năm: 2006. Anh Trần Tấn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Đ được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3**. Về tài sản và nợ chung:** Chị Nguyễn Thị H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4 **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003291 ngày 7/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5**. Về kháng cáo**: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/5/2018). Anh Trần Tấn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung